TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HS - ST
Ngày: 21/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bế Ngọc Hùng;
Bà Nguyễn Thị Yến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Mai Duy Định, Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST- HS, ngày 06/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 05/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu Tiến T (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 10/11/1962 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Trần Thị T1; vợ thứ nhất Vũ Thị H, đã ly hôn; vợ thứ hai Nguyễn Thị H1, đã ly hôn và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/9/2023 đến ngày 03/10/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Trung K (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 16/3/1976 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT: Thôn N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở: Tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu C, đã chết và bà Nguyễn Thị V; vợ Nguyễn Thị H2 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/9/2023 đến ngày 03/10/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đào Phương H3, sinh năm 1982, trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Triệu Văn S, sinh năm 1984, trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Nông Văn N, sinh năm 1985, trú tại: Thôn K, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Ma Thị C1, sinh năm 1978, trú tại: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

5. Hà Văn H4, sinh năm 1971, trú tại: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

6. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972, trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

7. Bùi Hùng C2, sinh năm 1966, trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

8. Hạc Xuân H5, sinh năm 1991, trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

9. Nông Thị M, sinh năm 1979, trú tại: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

10. Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1989, trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa;

11. Phan Ngọc T3, sinh năm 1988, trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

12. Lộc Văn M1, sinh năm 1987, trú tại: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

13. Ma Thanh H6, sinh năm 1988, trú tại: Thôn P, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

14. Nguyễn Ngọc C3, sinh năm 1985, trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

15. Đồng Thị Thu T4, sinh năm 1986, trú tại: Khu A, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

16. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1976, trú tại: Tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

17. Nguyễn Thị V, sinh năm 1954, trú tại: Tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/9/2023, Phòng C5 Công an tỉnh B nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, về việc Cơ sở kinh doanh cầm đồ Thái K1 có địa chỉ tại tổ A, thị trấn B, huyện C do Nguyễn Hữu Tiến T và Vũ Trung K làm chủ, có biểu hiện cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Phòng C5 phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra cơ sở cầm đồ T, phát hiện bà Đào Thị Phương H7 đang giao dịch trả tiền lãi vay cho Nguyễn Hữu Tiến T, số tiền trả lãi là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Ngoài ra, còn phát hiện nhiều tài liệu có liên quan đến việc cho vay khác, T đã tự nguyện giao nộp các tài liệu trên để phục vụ công tác điều tra. Cùng ngày Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có liên quan đối với T và K. Kết quả khám xét phát hiện, tạm giữ nhiều đồ vật, tài liệu, tài sản có liên quan đến hoạt động cho vay tiền có tính lãi suất.

Kết thúc điều tra đã làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như sau: Khoảng tháng 5/2023, Nguyễn Hữu Tiến T cùng Vũ Trung K góp vốn mở cơ sở kinh doanh T, được Phòng Tài chính kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, tên chủ hộ kinh doanh là Nguyễn Hữu Tiến T, kinh doanh các lĩnh vực: gas, bếp gas; dịch vụ cầm đồ; mua bán ô tô, xe máy; mua bán nhà và quyền sử dụng đất để ở; mua bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở. Cơ sở kinh doanh "Thái Kiên" có nội dung kinh doanh "cầm đồ" thuộc lĩnh vực ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự (ANTT) nhưng chưa được Công an huyện C cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để hoạt động theo quy định của pháp luật, vì chưa đủ điều kiện về đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Từ khi được cấp phép kinh doanh, mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT, nhưng K và T đã tổ chức cho nhiều người dân trên địa bàn huyện C vay tiền có cầm cố tài sản hoặc vay tín chấp với lãi suất dao động từ 1000đ/1.000.000đ/ngày đến 3000đ/1.000.000đ/ngày. Hàng ngày, T là người ở quầy trực tiếp làm việc với khách đến cầm đồ và vay tiền. Khi có khách, nếu K có mặt, T và K sẽ trao đổi trực tiếp, nếu K không ở quầy thì T sẽ gọi điện thoại cho K để trao đổi việc cho khách vay tiền. Khi đã thống nhất cho khách vay, thì T chịu trách nhiệm cho khách viết giấy vay tiền, tuỳ vào mức tiền vay và sự thân quen, mà T có thể yêu cầu khách thế chấp tài sản hoặc để lại giấy tờ có giá làm tin, cũng có nhiều trường hợp thân quen không cần thế chấp. Sau đó, K là người trực tiếp đưa tiền mặt cho T chuyển cho khách vay hoặc có thể chuyển khoản tiền vay cho khách. Hàng

tháng Thái thu tiền lãi của khách, ghi chép vào sổ và chuyển lại tiền cho K thực hiện việc thu chi.

Quá trình điều tra đủ căn cứ xác định có 15 trường hợp vay tiền của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu T5 Thái với lãi suất dao động từ 3.000đ/1.000.000đ/ngày đến 3.333đ/1.000.000đ/ngày, thường thu lãi theo tháng không kể tháng có bao nhiêu ngày, tương đương với lãi suất dao động từ 108% đến 120% trên một năm. Tổng số tiền cho vay là 317.000.000đ (ba trăm mười bảy triệu đồng). Số tiền gốc người vay đã trả là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Số tiền gốc người vay chưa trả là 307.000.000đ (ba trăm linh bảy triệu đồng). Tổng số tiền lãi đã thu của người vay là 157.970.000đ (một trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính chứng minh được là 124.653.334đ (một trăm hai mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng). Cụ thể như sau:

1. Đào Thị Phương H7: Ngày 22/6/2022, H7 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 31.000.000đ (ba mươi mốt triệu đồng) với thoả thuận lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày và thống nhất thu lãi theo tháng tức 2.790.000đ (hai triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng)/tháng không kể tháng có bao nhiêu ngày, tương đương 108%/năm. Tính đến ngày 23/12/2022 bị cáo T và K thu được 06 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 16.480.000đ (mười sáu triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), thu lợi bất chính số tiền 13.380.000đ (mười ba triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng). Ngày 27/12/2022, H7 vay thêm của K và T số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), nâng tổng số tiền vay là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng. T và K thu được 08 (tám) tháng tiền lãi với tổng số tiền là 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng), sau ngày 23/9/2023 thì H7 không trả thêm tiền lãi, đến nay H7 chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lợi bất chính từ khoản vay trên là 15.466.667đ (mười năm triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

2. Triệu Văn S: Ngày 09/7/2023 S1 vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T, tiền lãi thỏa thuận là 900.000đ/tháng. Ngày 11/7/2023 S vay thêm số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), cộng dồn với số tiền vay ngày 09/7/2023 thành 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất vay 01 tháng là 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng), bắt đầu tính lãi từ ngày 11/7/2023. Khoản vay này T và K đã thu 3.500.000đ (ba triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền lãi của 02 tháng. Từ 15/9/2023 đến nay S không trả thêm lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 2.833.333đ (hai triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);

3. Nông Văn N: Ngày 08/10/2022 Ngô vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), thỏa thuận lãi suất vay 01 tháng là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Khoản vay này T và K đã thu được 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của một tháng. Số tiền T và K thu lời bất chính là 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Cuối tháng 12 năm 2022, N vay thêm

1.000.000đ (một triệu đồng), nâng tổng số tiền vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 900.000đ (chín trăm nghìn đồng)/tháng, bắt đầu tính lãi từ ngày vay thêm. Khoản vay này N trả lãi không đều, đến nay T và K đã thu được 6.590.000đ (sáu triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) tiền lãi trên 07 tháng đều bằng hình thức chuyển khoản. Từ 06/9/2023 đến nay N không trả thêm lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 5.423.333 (năm triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);

4. Ma Thị C1: Ngày 14/4/2023 C1 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 1.350.000đ (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng. T và K đã thu được 05 tháng tiền lãi với số tiền 6.750.000đ (sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Từ 14/9/2023 đến nay C1 không trả thêm tiền lãi, chưa trả nợ gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm nghìn đồng);

5. Hà Văn H4: Ngày 01/7/2023 H4 vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) với Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T, thỏa thuận lãi suất vay là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày tương đương với 6.300.000đ (sáu triệu, ba trăm nghìn đồng)/tháng. T và K đã thu được 11.400.000đ (mười một triệu, bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của 02 tháng. Từ ngày 05/9/2023 đến nay, H4 không trả thêm lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền thu lời bất chính là 9.066.667đ (chín triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

6. Nguyễn Thị T2: Ngày 30/6/2023 T2 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng. T và K đã thu được 1.950.000đ (một triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi của 03 tháng, các tháng còn lại T2 chưa trả lãi, đến nay chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 1.600.000đ (một triệu, sáu trăm nghìn đồng);

7. Bùi Hùng C2: Ngày 04/5/2023 C2 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng. T và K đã thu được 1.350.000đ (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi của 03 tháng. Đến nay C2 chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 1.100.000đ (một triệu, một trăm nghìn đồng);

8. Hạc Xuân H5: Ngày 02/5/2023 H5 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng)/tháng. T và K đã thu được 3.800.000đ (ba triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của 04 tháng từ ngày 02/5/2023 đến ngày 02/9/2023, từ đó đến nay H5 không trả thêm lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 3.133.333đ (ba triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);

9. Nông Thị M: Ngày 29/9/2022 M vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 10.000.000đ *(mười triệu đồng),* thỏa thuận lãi suất là

3.000đ/1.000.000đ/1 ngày tương ứng với lãi suất hàng tháng phải trả là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng). Từ 29/9/2022 đến 21/9/2023, T và K đã thu được 10.500.000đ (mười triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền lãi trên tổng 11 tháng. Từ đó đến nay, M không trả thêm tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 8.666.667đ (tám triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

10. Hoàng Văn Đ1: Ngày 17/6/2023 Đ1 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 3000đ/1.000.000đ/ngày tương đương với 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng. Sau đó khoảng một tuần, Đ1 vay thêm của T và K số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tổng số tiền vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 3000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương với 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng)/tháng. Khoản vay này T và K đã thu được 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của tháng 7/2023, Đ1 trả lãi thiếu 900.000đ. Từ đó đến nay, Đ1 không trả thêm tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 1.466.667đ (một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

11. Phan Ngọc T3: Ngày 03/3/2023, T3 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 900.000đ (chín trăm nghìn đồng)/ tháng. Khoản vay này T và K đã thu được 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) tiền lãi của một tháng. Số tiền thu lời bất chính là 733.333đ (bảy trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). Ngày 07/5/2023 T3 vay thêm của T và K số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), cộng với số tiền vay trước đó tổng là 15.000.000đ (mười năm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 1.350.000đ (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng. Từ ngày 07/5/2023, đến nay T và K thu được 03 tháng tiền lãi tổng là 4.050.000đ (bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng). Từ ngày 17/9/2023 đến nay, T3 không trả thêm tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 3.300.000đ (ba triệu, ba trăm nghìn đồng);

12. Lộc Văn M1: Ngày 23/7/2022, M1 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 1.200.000đ/1 tháng (tương ứng lãi suất vay 3.333đ/1.000.000đ/1 ngày). T và K đã thu được 15.600.000đ (mười năm triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi của 13 tháng. Đến nay M1 chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng);

13. Ma Thanh H6: Ngày 03/7/2023 H6 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày tương đương với 900.000đ/tháng. Khoản vay này T và K đã thu được 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của 02 tháng. Ngày 14/01/2024, H6 đã trả toàn bộ tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất

chính là 1.466.667đ (một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

14. Nguyễn Ngọc C3: Ngày 05/8/2023 C3 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày tương đương với 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng)/tháng. T và K đã thu được 39.500.000đ (ba mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền lãi của 09 tháng. Đến nay C3 chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng);

15. Đồng Thị Thu T4: Ngày 04/5/2023 T4 vay của Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 1.800.000đ (một triệu,tám trăm nghìn đồng)/tháng. Từ ngày 04/5/2023 đến ngày 05/9/2023 T và K đã thu được 04 tháng tiền lãi là 7.200.000đ (bảy triệu, hai trăm nghìn đồng), từ đó đến nay T4 không trả thêm lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Tổng số tiền T và K thu lời bất chính là 5.866.667đ (năm triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T và Vũ Trung K đều thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân, lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSBK-P1 ngày 04/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nguyễn Hữu Tiến T và Vũ Trung K về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS), điều luật có nội dung:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhấtquy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T mỗi bị cáo cùng mức án từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ

30 đến 40 triệu đồng. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các khoản tiền gốc; các bị cáo phải trả lại các khoản tiền thu lợi bất chính cho người đi vay; các bị cáo phải nộp lại ngân sách Nhà nước khoản tiền lãi 20%. Về vật chứng: Chuyển lưu theo hồ sơ vụ án các sổ sách, tài liệu; tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước 02 điện thoại của các bị cáo; tạm giữ số tiền 85.500.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo K; tạm giữ các khoản tiền hai bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 9/2023, Vũ Trung K và Nguyễn Hữu Tiến T kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và đã cho 15 (mười năm) cá nhân gồm Đào Thị Phương H7, Triệu Văn S, Nông Văn N, Ma Thị C1, Hà Văn H4, Nguyễn Thị T2, Bùi Hùng C2, Hạc Xuân H5, Nông Thị M, Hoàng Văn Đ1, Phan Ngọc T3, Lộc Văn M1, Ma Thanh H6, Nguyễn Ngọc C3 và Đồng Thị Thu T4 vay tiền với lãi suất dao động từ 108% (một trăm linh tám phần trăm)/năm đến 120% (một trăm hai mươi phần trăm)/năm. Tổng số tiền cho vay là 317.000.000đ (ba trăm mười bảy triệu đồng), đã thu tiền lãi của người vay là 157.970.000đ (một trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó, thu lợi bất chính tổng số tiền là 124.653.334đ (một trăm hai mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng) sau khi đã trừ đi 20% mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 33.316.666đ (ba mươi ba triệu ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Hành vi của các bị cáo cho vay tiền với mức lãi suất cao gấp 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền từ 100 triệu đồng trở lên, đã phạm vào tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế và hoạt động cho vay tín dụng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm các bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T và bị cáo Vũ Trung K cùng góp vốn mở cơ sở kinh doanh, có sự bàn bạc và thống nhất cùng với nhau, cùng nhau trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động cho vay lãi nặng. Vì vậy, có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 BLHS, đó là *"Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả", "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* và *"Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T có bố đẻ là ông Nguyễn Hữu Đ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bản thân Thái được UBND thị trấn thị trấn B tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2010 và 2021, được UBND huyện C tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2015, 2016. Bị cáo Vũ Trung K có bố vợ là ông Nguyễn Văn Q được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huân chương chiến thắng hạng ba, Huy hiệu 65 năm tuổi đảng và có mẹ vợ là bà Nguyễn Thị D được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, các bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, cho các bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương thì vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ thường phát sinh tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Động cơ mục đích phạm tội của các bị cáo nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn nhất định và phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc của khoản vay, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người vay tiền trả cho các bị cáo, thì các bị cáo phải liên đới nộp lại, khoản tiền gốc chưa trả thì người vay tiền phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính, cần buộc các bị cáo có trách nhiệm trả lại cho người vay tiền. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người liên quan, cụ thể: Đã trả cho bà Đào Thị Phương H7 số tiền 29.266.667 đồng; ông Triệu Văn S số tiền 2.833.333 đồng; ông Nông Văn N số tiền là 6.073.333 đồng; bà Ma Thị C1 số tiền là 5.500.000 đồng; ông Hà Văn H4 số tiền là 9.066.667 đồng; bà Nguyễn Thị T2 số tiền là 1.600.000 đồng; ông Bùi Hùng C2 số tiền là 1.100.000 đồng; ông Hạc Xuân H5 số tiền là 3.133.333 đồng; bà Nông Thị M với số tiền là 8.666.667 đồng; ông Hoàng Văn Đ1 số tiền là 1.466.667 đồng; ông Phan Ngọc T3 số tiền là 4.033.333 đồng; ông Lộc Văn M1 số tiền là 13.000.000 đồng; ông Ma Thanh H6 số tiền là 1.466.667 đồng; ông Nguyễn Ngọc C3 số tiền là 32.000.000 đồng; bà Đồng Thị Thu T4 số tiền là 5.866.667 đồng. Những người này đều đã có văn bản xác nhận và không yêu cầu giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

Đối với khoản tiền lãi 20% theo quy định là 33.316.666đ (ba mươi ba triệu ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), cần buộc các bị cáo có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội.

Tiếp tục phong tỏa toàn bộ số dư trong tài khoản 86012005035811 của bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T tại Ngân hàng N5 chi nhánh B để đảm bảo thi hành án.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là sổ, sách cần chuyển lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung của Nguyễn Hữu Tiến T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Vũ Trung K, xác định là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 85.500.000 đồng, gồm: 3.000.000 đồng là khoản tiền lãi do bà Đào Thị Phương H7 trả cho Nguyễn Hữu T5 Thái ngày 23/9/2023 và bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, xác định trong đó số tiền lãi 20% theo quy định là 1.066.667 đồng, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, số tiền còn lại 1.933.333 đồng là tiền thu lợi bất chính, cần trả lại cho bà H7; số tiền 31.100.000 đồng và số tiền 51.400.000 đồng là tiền thu giữ trong quá trình khám xét nhà ở của bị cáo Vũ Trung K và xác định là của bị cáo K, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo K.

- Đối với các khoản tiền bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T và bị cáo Vũ Trung K đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn với mục đích nhằm khắc phục hậu quả, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

[9] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[10] Các nội dung khác của vụ án:

- Qua kiểm tra các sổ ghi chép của bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T và Vũ Trung K, xác định có tổng số 114 người vay tiền với T và K (đã bao gồm 15 trường hợp nêu trên). Trong đó có 25 người, T và K khai là khách vãng lai, bản thân T, K không quen biết, không rõ địa chỉ gồm: "Nguyễn Văn C4", "Bạn e N1", "Thiên CII", "Huyên Thế", "Huệ Spa", "Mậu Đ/Thắng", "Thơm LB", "Hộ T/8", "Cắm xe máy điện", "Thành Nà K2", "Khôi TA", "Lý Văn T6", "Trạc Văn M2", "Lục Thị D1", "Ma Xuân H8", "Mạnh Chanh", "Cắm Đ thoại", "Hải Y T7", "Chuyền Y P", "Dương Loan", "Hoàng Văn T8", "Hoàng Thị N2", "Trọng Quyết", "Dương Thị Bạch Y", "Nông Văn T9", quá trình điều tra Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác định những người trên là ai. Cơ quan điều tra đã làm việc được với 62 người, trừ 15 trường hợp nêu trên thì đều trình bày lãi suất vay dưới 100%/năm hoặc không có lãi. Do lãi suất theo lời khai của bị cáo T, K và những người vay đều dưới 100% nên Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất đối với các trường hợp trình bày có sự chênh lệch về lãi suất, do không ảnh hưởng đến kết quả điều tra. Cơ quan điều tra đã chuyển các tài liệu liên quan đến Phòng C5 Công an tỉnh B để xem xét xử lý theo thẩm quyền. Đối với các trường hợp còn lại, Cơ quan điều tra đã xác minh hiện không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì gồm: Giá Hoàng T10 (sổ tên: "Xếp Tiến"); Hoàng Thị N3 (sổ tên "Cô N3"); Đặng Thị P1 (sổ ghi "Phượng Nặm Cảng"), Lưu Văn T11, Triệu Văn D2, Vũ Quang Đ2, Nguyễn Văn T12, Lường Thị Y1, Nguyễn Tiến H9, Mã Thị N4, Lục Thị Í, Hà Thị L. Đối với nội dung này, Cơ quan điều tra tách ra để làm rõ và xử lý sau là đúng quy định của pháp luật

- Đối với Nguyễn Thị H2, sinh năm 1976, trú tại tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, là vợ của bị cáo Vũ Trung K. Ngày 27/12/2022, H2 chuyển số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) từ tài khoản V1 mang tên H2 đến tài khoản A của chị Đào Thị Phương H7, đây là số tiền H7 vay thêm của Nguyễn Hữu Tiến T và

K. Quá trình điều tra xác định, chị H2 không tham gia góp vốn, giúp sức trong hoạt động kinh doanh cho vay của T và K. Việc chị H2 chuyển khoản tiền cho chị H7, cũng như một số lần khác chuyển tiền cho khách vay tiền với T và K là do bị cáo K nhờ chuyển tiền giúp, chị H2 không biết đó là tiền cho vay và không được hưởng lợi gì từ hoạt động cho vay lãi nặng của K, T. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với H2 là phù hợp.

- Đối với 01 khẩu súng màu nâu đen, báng bằng gỗ, có tổng chiều dài 115cm, nòng súng bằng kim loại dài 50cm, trên thân súng có ghi dòng chữ "Slavia 631"; 02 túi nilon đựng các viên kim loại màu xám, không rõ hình, một túi có khối lượng 188,27 gam, một túi có khối lượng 99,9 gam tổng khối lượng là 288,17 gam; 01 ống nhòm dài 30,4cm thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của bị cáo Vũ Trung K tại tổ D, thị trấn B, huyện C. Tại Bản kết luận giám định số 7283/KL-KTHS ngày 02/11/2023 của V2 Bộ C6 kết luận:

"- Khẩu súng gửi giám định là súng hơi bắn đạn chì cỡ 4,5 mm, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng.

- 01 ống ngắm gửi giám định là phụ kiện lắp thêm cho súng.

- Các mẫu kim loại hình nấm gửi giám định là đạn hình nấm cỡ 4,5 mm, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng và sử dụng bắn được bằng khẩu súng trên

- Khi sử dụng khẩu súng và đạn gửi giám định bắn vào cơ thể người gây chết hoặc bị thương."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Vũ Trung K khai nhận khẩu súng, ống nhòm kèm theo súng và số đạn chì trên là của ông Vũ Hữu C, là bố đẻ bị cáo, năm 1997 ông C qua đời, nên bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1954, trú tại tổ D, thị trấn B, huyện C, là mẹ đẻ của K, giữ lại làm kỷ niệm, không sử dụng vào mục đích khác. Lời khai của bà Nguyễn Thị V phù hợp với lời khai của bị cáo K. Căn cứ các tài liệu thu thập được, Cơ quan điều tra đã chuyển số đồ vật trên, cùng các tài liệu có liên quan cho Phòng C5 Công an tỉnh B để xem xét xử lý theo quy định là có căn cứ.

- Đối với một số giấy tờ, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, xe đạp điện thu giữ của Vũ Trung K, nhưng không liên quan đến hoạt động cho vay. Cơ quan điều tra đã tra cứu và ủy thác cho Cơ quan điều tra các địa phương có liên quan, đề nghị xác minh nguồn gốc phương tiện nhưng chưa nhận được kết quả. Cơ quan điều tra đã tách và sao các tài liệu có liên quan bàn giao cho Phòng C5 tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T và Vũ Trung K phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

1.1. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Trung K 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Phạt các bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T và Vũ Trung K, mỗi bị cáo 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Cấm các bị cáo T và K kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn 02 (Hai) năm.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự.

3.1. Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại sung vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc của các khoản vay, cụ thể:

- Các bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T và Vũ Trung K chịu trách nhiệm liên đới nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

- Bà Đào Thị Phương H7 nộp số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng); ông Triệu Văn S nộp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); ông Nông Văn N nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); bà Ma Thị C1 nộp số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng); ông Hà Văn H4 nộp số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); bà Nguyễn Thị T2 nộp số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); ông Bùi Hùng C2 nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ông Hạc Xuân H5 nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); bà Nông Thị M nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); ông Hoàng Văn Đ1 nộp số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); ông Phan Ngọc T3 nộp số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng); ông Lộc Văn M1 nộp số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); ông

Nguyễn Ngọc C3 nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); bà Đồng Thị Thu T4 nộp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

3.2. Buộc các bị cáo chịu trách nhiệm liên đới nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 33.316.666đ (Ba mươi ba triệu ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

3.3. Tiếp tục phong tỏa toàn bộ số dư trong tài khoản số 86012005035811 của bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T tại Ngân hàng N5 chi nhánh B để đảm bảo thi hành án (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số: 28/LPT-CSĐT-CSHS, ngày 17/01/2-24 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1 Chuyển lưu giữ theo hồ sơ vụ án các vật chứng là sổ sách, gồm: 01 (một) quyển sổ bìa có dòng chữ "K.POP NOTEBOOK", có chữ viết tay ghi dòng chữ "Sổ Ghi Nợ + Trả"; 01 (một) quyển sổ bìa có dòng chữ "K.POP NOTEBOOK", có chữ viết tay "bảo 8A"; 01 (một) quyển sổ Giáo án bìa màu vàng ghi chữ "CÔNG TY 2022" bằng bút dạ; 01 quyển sổ H, bìa màu vàng, bìa có chữ "Giáo án A4", bên trong có nhiều chữ và số; 01 quyển sổ bìa màu đỏ, có chữ "BUSINESS", bên trong có nhiều chữ và số.

4.2 Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu xanh, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng của Nguyễn Hữu Tiến T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng của Vũ Trung K.

4.3 Xử lý số tiền 85.500.000đ (Tám mươi năm triệu, năm trăm nghìn đồng) như sau:

- Số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) là khoản tiền lãi do bà Đào Thị Phương H7 trả cho Nguyễn Hữu T5 Thái ngày 23/9/2023: Tịch thu nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi 20% theo quy định là 1.066.667đ (Một triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trả lại cho bà Đào Thị Phương H7 số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo là 1.933.333đ (Một triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

- Tạm giữ số tiền 82.500.000đ (Tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Vũ Trung K để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

4.4 Tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo, gồm:

Số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) do Nguyễn Hữu T5 Thái nộp theo biên lai số 0000026, ngày 05/3/2024; số tiền 20.117.000đ (Hai mươi triệu, một trăm mười bảy nghìn đồng) do Vũ Trung K nộp theo biên lai số 0000049, ngày 16/4/2024; số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) do Vũ Trung K nộp theo biên lai

số 0000025, ngày 05/3/2024; số tiền 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) do Vũ Trung K nộp theo biên lai số 0000045, ngày 10/4/2024.

(Tình trạng vật chứng theonhư biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu Tiến T và Vũ Trung K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khánh Phương